

Bản án số: 174/2026/DS-ST

Ngày 28- 4-2026

“V/v tranh chấp
hợp đồng dịch vụ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc

Ông Ông Văn Đủ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2026/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973

Căn cước công dân số: 096073004922, cấp ngày 18/11/2021.

Địa chỉ: Ấp B, xã K, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1/ Ông Đặng Minh H, sinh năm 1980; Địa chỉ: số B, đường C, khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo văn bản ủy quyền đề ngày 10 tháng 01 năm 2026 (Có mặt).

2/ Ông Đặng Minh Q, sinh năm 1957; Địa chỉ: số B, đường C, khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo văn bản ủy quyền đề ngày 26 tháng 02 năm 2026 (Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28 tháng 4 năm 2026).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã L, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2026, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Đặng Minh H** trình bày:*

Từ khoảng tháng 02 năm 2017 đến tháng 6 năm 2017, ông **Nguyễn Văn H** với ông **Nguyễn Minh T** cùng san lấp mặt bằng công trình tại **Khu Công nghiệp K** cho ông **Nguyễn Văn K** với tổng số tiền là 480.000.000 đồng.

Đến ngày 18/02/2025 đương lịch giữa ông **T** với ông **K** đã làm bản đối chiếu công nợ với nhau, sau khi đối trừ các khoản thì ông **K** còn nợ ông **T** 200.000.000 đồng, nợ ông **H** 100.000.000 đồng. Theo cam kết thì trong thời hạn 03 tháng ông **K** phải thanh toán hết số tiền nợ cho ông **T** và ông **H**, tuy nhiên ông **K** không thực hiện đúng cam kết nên ông **T** đã khởi kiện ông **K** và đã được Tòa án nhân dân khu vực 4- Cà Mau giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 345/2025/QĐST – DS ngày 17/12/2025, nội dung ông **K** đồng ý trả ông **T** 200.000.000 đồng. Khi đó, ông **H** không kiện ông **K** vì để cho ông **K** có thời gian trả nợ, nhưng ông **K** cứ hẹn mà không thực hiện.

Nay ông **Nguyễn Văn H** khởi kiện yêu cầu ông **Nguyễn Văn K** trả số tiền san lấp mặt bằng còn nợ là 100.000.000 đồng, ông **H** không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Đối với ông **Nguyễn Văn K**, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông **K** vắng mặt không lý do.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn ông **Nguyễn Văn H** với bị đơn **Nguyễn Văn K** là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” được quy định tại Điều 513 Bộ luật dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông **Nguyễn Văn K** có địa chỉ tại **ấp S, xã L, tỉnh Cà Mau** nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tòa án đã triệu tập ông **Nguyễn Văn K** hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông **K** vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử vắng mặt đối ông **K** theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án: Ông Nguyễn Văn H yêu cầu ông Nguyễn Văn K trả số tiền san lấp mặt bằng còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H có cung cấp cho Toà án Bảng đối chiếu công nợ đề ngày 18/02/2025 giữa ông Nguyễn Mạnh T1 và ông Nguyễn Văn K thể hiện ông Nguyễn Văn K có nợ ông Nguyễn Văn H số tiền 100.000.000 đồng. Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 28/4/2026 của ông Nguyễn Mạnh T1 trực tiếp nộp cho Tòa án thì ông T1 khẳng định tại thời điểm làm bảng đối chiếu công nợ thì ông Nguyễn Văn K còn nợ ông Nguyễn Văn H số tiền 100.000.000 đồng. Đối với ông K đã được Toà án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo mời hoà giải và triệu tập xét xử nhưng ông K không có ý kiến phản đối với yêu cầu của ông H. Từ đó, cho thấy ông H khởi kiện yêu cầu ông K trả số tiền san lấp mặt bằng còn nợ 100.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ông Nguyễn Văn K không yêu cầu tính lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự có giá ngạch: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H nên buộc ông K phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;
Căn cứ các Điều 357, 468, 513, 519 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với ông Nguyễn Văn K.

Buộc ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, ông K không thi hành khoản tiền nêu trên thì ông K phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Văn K phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực

4 – Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật. Ông **Nguyễn Văn H** không phải chịu án phí, ông **H** có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000654 ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Án xử sơ thẩm công khai ông **Nguyễn Văn H** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông **Nguyễn Văn K** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ